



PHỤ LỤC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI ĐÁP
ỨNG GIỚI VÀ ĐỘ TUỔI (GRASSP)

Nghiên cứu về lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội

Tìm hiểu về các quy trình, chủ thể và thể chế định hình công tác
lồng ghép giới vào cải cách chính sách trợ giúp xã hội ở Việt Nam

Nicholas Mathers, Mathilde Van Drooghenbroeck, Eszter Timár
và Trần Như Trang

Tháng 04 năm 2024

I. Những thay đổi trong Nghị định 20 so với Nghị định 136

ĐIỀU	THAY ĐỔI
CHƯƠNG I	
Điều 1: Phạm vi điều chỉnh	
Điều 2: Giải thích từ ngữ	<ul style="list-style-type: none"> Danh sách định nghĩa nhiều hơn. Loại bỏ định nghĩa về "Người bị nhiễm HIV không còn khả năng lao động", thêm vào định nghĩa "sự kiện bất khả kháng", "hậu quả nghiêm trọng do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông hoặc sự kiện bất khả kháng khác", "người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng người cao tuổi".
Điều 3: Nguyên tắc cơ bản	
Điều 4: Mức chuẩn trợ giúp xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> Mức chuẩn tăng từ 270.000 đồng lên 360.000 đồng. Mở rộng hỗ trợ tùy thuộc điều kiện kinh tế-xã hội của các địa phương: "Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này" (Ngoài các lựa chọn đã có để tăng mức trợ cấp).
CHƯƠNG II	
Điều 5: Đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng .	<ul style="list-style-type: none"> Người nhiễm HIV: chia trẻ em và người lớn thành hai mục riêng biệt, loại bỏ tiêu chí "không có lương hưu hoặc trợ cấp xã hội hàng tháng" đối với trẻ em nhiễm HIV ở các hộ nghèo. Bổ sung thêm người thuộc diện "cận nghèo" chưa có chồng hoặc có vợ (trong Nghị định 136 chỉ là nghèo) Người cao tuổi: mở rộng thêm đối tượng người từ 75 đến 80 tuổi thuộc các hộ nghèo hoặc cận nghèo đang sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Người khuyết tật: hiện tại sử dụng cụm từ "người khuyết tật đặc biệt nặng" nhưng điều kiện nhận trợ cấp vẫn phụ thuộc vào quy định trong Luật Người khuyết tật (không có thay đổi thực tế). Trẻ em dưới 3 tuổi: thêm vào quy định dành cho trẻ em thuộc các hộ nghèo, cận nghèo sống tại địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
Điều 6: Mức trợ cấp xã hội hàng tháng.	<ul style="list-style-type: none"> Định nghĩa hệ số đối với các nhóm đối tượng thụ hưởng mới được thêm vào.
Điều 7: Hồ sơ đề nghị trợ cấp xã hội hàng tháng.	<ul style="list-style-type: none"> Các tờ khai đề nghị trợ cấp được nêu rõ trong ND 20. Nghị định 136 quy định "tờ khai theo mẫu do Bộ LĐTBXH quy định" và danh sách giấy tờ kèm theo.
Điều 8: Thủ tục thực hiện và thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.	<ul style="list-style-type: none"> Loại bỏ việc xét duyệt hồ sơ đề nghị trợ cấp bởi Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội ra khỏi ND 20.

ĐIỀU	THAY ĐỔI
Điều 9: Cấp thẻ Bảo hiểm y tế.	<ul style="list-style-type: none"> Đơn giản hóa danh sách người được hưởng: thay vì liệt kê hàng loạt các mục độc lập khác nhau, NĐ 20 nêu rằng "Đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được cấp thẻ...", nhưng không có sự khác biệt về mặt ý nghĩa. Loại trừ: Nghị định 136 đề cập đến "người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng, tuy nhiên, có thể khoản này đã bị loại bỏ trong nghị định mới chỉ vì trùng lặp với Luật Bảo hiểm y tế.
Điều 10: Trợ giúp giáo dục, đào tạo và dạy nghề.	
Điều 11: Hỗ trợ chi phí mai táng.	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định 136 quy định "Trường hợp đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này được hỗ trợ chi phí mai táng với các mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất." Khoản này không được nêu trong NĐ 20. Nêu rõ số lượng giấy tờ hồ sơ đề nghị hưởng chi phí trợ giúp.
CHƯƠNG III: TRỢ GIÚP XÃ HỘI KHẨN CẤP	
Điều 12: Hỗ trợ lương thực và nhu yếu phẩm thiết yếu từ nguồn ngân sách nhà nước.	<ul style="list-style-type: none"> Trong khi Nghị định 136 chỉ bao gồm trợ giúp về lương thực (15 cân gạo/người), NĐ 20 có thêm lựa chọn "các nhu yếu phẩm thiết yếu" bằng hiện vật như lều bạt, chăn màn, xuong máy, v.v.
Điều 13: Hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng.	<ul style="list-style-type: none"> Có sự chênh lệch về mức hỗ trợ: trong Nghị định 136, mức hỗ trợ bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội; trong NĐ 20, mức hỗ trợ là tối thiểu bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội.
Điều 14: Hỗ trợ chi phí mai táng.	<ul style="list-style-type: none"> Trong NĐ 20, mức hỗ trợ mai táng được tăng lên: bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội, so với 20-30 lần trong Nghị định 136.
Điều 15: Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở.	<ul style="list-style-type: none"> Tăng mức hỗ trợ (từ 20.000.000 đến 40.000.000 đồng trong NĐ 20 so với mức từ 15.000.000 đến 20.000.000 đồng trong Nghị định 136)
Điều 16: Hỗ trợ khẩn cấp đối với trẻ em khi cha, mẹ bị chết hoặc mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc các lý do bất khả kháng khác.	<ul style="list-style-type: none"> Nghị định 136 quy định thủ tục hỗ trợ phải thực hiện theo thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng. Trong NĐ 20, thủ tục hỗ trợ này thực hiện theo thủ tục hỗ trợ nhu yếu phẩm khẩn cấp.
Điều 17: Hỗ trợ việc làm và phát triển sản xuất.	<ul style="list-style-type: none"> Bổ sung điều khoản giao cho Ủy ban Nhân dân quyền quyết định hỗ trợ trường hợp đặc biệt nghiêm trọng/khẩn cấp.
CHƯƠNG IV Chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng	
Điều 18: Đối tượng nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng.	<ul style="list-style-type: none"> Không có sự thay đổi, ngoại trừ việc bổ sung quy định rằng Ủy ban Nhân dân phải yêu cầu chăm sóc dài hạn sau khi hết thời hạn chăm sóc tạm thời từ sở LĐTBXH.
Điều 19: Chế độ đối với đối tượng nhận chăm sóc, nuôi dưỡng.	<ul style="list-style-type: none"> Không có sự thay đổi, ngoại trừ việc sửa "tiền ăn" thành "trợ cấp"
Điều 20: Chế độ đối với hộ gia đình, cá nhân chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> Hệ số thấp hơn đối với người chăm sóc trẻ em bị bỏ rơi từ đủ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi và người già neo đơn (hệ số 2,5 trong Nghị định 136, 1,5 trong NĐ 20) Hệ số đối với các trường hợp người khuyết tật: Trong Nghị định 136, các hệ số được quy định theo Nghị định 28/2012; NĐ 20 nêu rõ hệ số đối với hộ gia đình chăm sóc người khuyết tật, và người khuyết tật trong hoàn cảnh cụ thể (ví dụ: người khuyết tật đồng thời là người chăm sóc người già hoặc trẻ em hoặc là phụ nữ đang mang thai).

ĐIỀU	THAY ĐỔI
Điều 22-24: Về thủ tục và điều kiện nhận chăm sóc và nuôi dưỡng đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> Hợp nhất các điều khoản về chăm sóc, nuôi dưỡng và chăm sóc, nuôi dưỡng khẩn cấp (NĐ 20 ít hơn 1 điều khoản) Trong NĐ 20: hướng dẫn chi tiết hơn về việc nhận chăm sóc và quản lý người thụ hưởng, người chăm sóc, ai là người phù hợp chăm sóc tạm thời và trách nhiệm của họ, trường hợp nào không được tiếp tục chăm sóc (ví dụ: vi phạm quyền trẻ em) Trong NĐ 20: "chăm sóc người thân" (dù không được gọi như vậy): các yêu cầu đối với người thân trực tiếp của người được chăm sóc ít nghiêm ngặt hơn (có ngoại lệ đối với họ hàng)
CHƯƠNG V: Chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc nhà xã hội	
Điều 24: Đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội (sau đây gọi chung là cơ sở trợ giúp xã hội)	<ul style="list-style-type: none"> Bổ sung thêm mục người được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội trong NĐ 20: "3. Người chưa thành niên, người không còn khả năng lao động là đối tượng thuộc diện chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính." Không rõ ý nghĩa chính xác của khoản này, vì nó tách biệt khỏi danh sách những đối tượng được hưởng hỗ trợ khẩn cấp ở trên.
Điều 25: Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội	<ul style="list-style-type: none"> Không có sự thay đổi, ngoại trừ việc NĐ 20 không còn xác định hệ số cho người từ 16 đến 60 tuổi - có lẽ khoản này đã được nêu trong một văn bản quy phạm pháp luật khác về người khuyết tật?
Điều 26: Hỗ trợ giáo dục, đào tạo và tạo việc làm	<ul style="list-style-type: none"> "Tùy theo trường hợp nào xảy ra trước" được bổ sung thêm trong NĐ 20 tại khoản "2. Đối tượng trẻ em quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 24 Nghị định này từ 16 tuổi trở lên đang học các cấp học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất thì tiếp tục được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học, nhưng không quá 22 tuổi (tùy theo trường hợp nào xảy ra trước)."
Điều 27-30: Về thủ tục, tiếp nhận, hợp đồng dịch vụ, dừng trợ giúp, v.v tại cơ sở trợ giúp xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn cụ thể hơn về việc thực hiện các bước tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp trong NĐ 20 (ví dụ: đánh giá mức độ tổn thương, v.v.)
CHƯƠNG VI: Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> Trong Nghị định 136, Chương VI quy định về Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội Vì Hội đồng xét duyệt đã không còn được nêu trong NĐ 20, nên không có chương nào nhắc về Hội đồng này.
CHƯƠNG VI: Kinh phí thực hiện	
Điều 31: Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên.	<ul style="list-style-type: none"> Loại bỏ một khoản về trách nhiệm dự toán: Nghị định 136 quy định: <ul style="list-style-type: none"> a) Đối với cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội công lập thuộc cấp nào thì do ngân sách cấp đó bảo đảm trong dự toán chi bảo đảm xã hội; b) Đối với cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội ngoài công lập được bố trí trong dự toán chi bảo đảm xã hội của ngân sách cấp tỉnh. NĐ 20 quy định: Đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc cấp nào thì do ngân sách cấp đó bảo đảm trong dự toán chi bảo đảm xã hội.
Điều 32: Kinh phí thực hiện trợ giúp khẩn cấp.	

ĐIỀU	THAY ĐỔI
Điều 33: Quản lý kinh phí trợ giúp xã hội.	
CHƯƠNG VIII: Triển khai thực hiện	
Điều 34: Thực hiện chi trả chính sách trợ giúp xã hội hàng tháng và hỗ trợ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng.	<ul style="list-style-type: none"> • Bổ sung thêm việc ủy quyền cho các tổ chức cung cấp dịch vụ chi trả (ví dụ: thanh toán điện tử) vào điều này.
Điều 35: Trách nhiệm của các bộ, ngành.	<ul style="list-style-type: none"> • Không có sự thay đổi về trách nhiệm của Bộ LĐTBXH • NĐ 20 quy định rõ trách nhiệm của Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ NN&PTNT, Bộ KHĐT (chủ yếu là trách nhiệm rà soát), trong khi Nghị định 136 chỉ có 1 quy định chung rằng các bộ, ngành khác có trách nhiệm giúp thực hiện dựa trên phạm vi, quyền hạn của mình.
Điều 36: Trách nhiệm của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> • Bổ sung thêm vào NĐ 20 về quy định lập báo cáo giám sát: "1. Tổ chức thực hiện chế độ, chính sách trợ giúp xã hội cho đối tượng quy định tại Nghị định này. Giao cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội cho đối tượng theo Mẫu số 10a, 10b, 10c, 10d ban hành kèm theo Nghị định này."
CHƯƠNG IX: Điều khoản thi hành	
Điều 37-39	<ul style="list-style-type: none"> • Chương này chỉ đề cập đến thời điểm nghị định có hiệu lực và thay thế cho nội dung gì, vì vậy không có nội dung/thay đổi thực tế.

II. Hướng dẫn chủ đề

Hướng dẫn chủ đề - Người hoạch định chính sách

Bật bản ghi âm.

Giới thiệu đại diện của Bộ LĐTBXH.

Cung cấp thông tin về sự đồng ý

Xin chào, tôi là _____. Chúng tôi đã gửi cho anh/chị bản giới thiệu dưới đây về nghiên cứu và sự tham gia của anh/chị qua email trước cuộc họp này cùng với các thông tin liên hệ trong trường hợp anh/chị có bất kỳ câu hỏi nào.

Anh/chị được mời tham gia một nghiên cứu do Văn phòng Nghiên cứu của UNICEF phối hợp với Văn phòng UNICEF tại Việt Nam và Cục Bảo trợ xã hội thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội thực hiện). Việc anh/chị tham gia vào nghiên cứu này là tự nguyện nhưng chúng tôi hy vọng anh/chị sẽ đồng ý trả lời các câu hỏi vì chúng tôi đánh giá cao quan điểm của anh/chị.

Nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu về quá trình xây dựng các chính sách trợ giúp xã hội gần đây, cụ thể là QĐ 488 và NĐ 20 cũng như cách thức xem xét các yếu tố dễ bị tổn thương về giới và bất bình đẳng giới trong quá trình hình thành, soạn thảo và phê duyệt các chính sách này.

Anh/chị sẽ không nhận được bất kỳ lợi ích cá nhân hay phần thưởng nào khi tham gia vào nghiên cứu. Tuy nhiên, những phát hiện của nghiên cứu sẽ được công bố và sẽ đóng góp vào nghiên cứu có quy mô rộng hơn về an sinh xã hội đáp ứng giới và độ tuổi nhằm cải thiện chính sách an sinh xã hội và quá trình thực hiện chính sách ở Việt Nam và các quốc gia khác.

Cuộc phỏng vấn sẽ kéo dài khoảng 1 tiếng đến 1 tiếng 30 phút. Tên của anh/chị và tất cả các câu trả lời cá nhân mà anh/chị cung cấp sẽ được bảo mật và sẽ không được chia sẻ với bất kỳ người nào khác ngoài nhóm nghiên cứu. Danh tính của anh/chị sẽ không được công bố trong bất kỳ ấn phẩm nào.

Việc tham gia phỏng vấn sẽ không gây ra bất kỳ rủi ro nào cho cá nhân anh/chị. Tuy nhiên, nếu có câu hỏi nào mà anh/chị không muốn trả lời, hãy cho tôi biết và tôi sẽ chuyển sang câu hỏi tiếp theo. Anh/chị cũng có thể dừng cuộc phỏng vấn bất cứ lúc nào.

- Anh/chị có ý kiến gì về phần giới thiệu trên đây và đồng ý phỏng vấn không?
- Anh/chị có câu hỏi nào dành cho tôi không?
- Anh/chị có phiền nếu chúng tôi tiếp tục ghi lại cuộc phỏng vấn này? [Nếu không, xác nhận rằng người phỏng vấn thứ hai sẽ ghi chép lại bằng văn bản].
- Bây giờ, tôi có thể bắt đầu cuộc phỏng vấn không?

Hoàn thành các thông tin sau trong Danh sách tổng thể.

Ngày phỏng vấn: _____ / _____ / _____
ngày tháng năm

ID của người được phỏng vấn: _____

Người phỏng vấn chính: _____

Người phỏng vấn thứ hai: _____

Giới thiệu - Tất cả người trả lời phỏng vấn

[Nếu cần] Anh/chị có thể giới thiệu ngắn gọn về bản thân, bao gồm các công việc hiện tại và trong quá khứ.

Chúng tôi đang thảo luận về các cải cách gần đây về trợ giúp xã hội, cụ thể là Quyết định 488/2017 (Đề án ĐMPT-HTTGXH) và Nghị định 20/2021. Vui lòng cho biết ngắn gọn anh/chị đã thực hiện các chính sách đó như thế nào?

Chúng tôi quan tâm đến các giai đoạn khác nhau của quá trình thực hiện chính sách bao gồm xác định nhu cầu, soạn thảo chính sách và lấy ý kiến, thẩm định và phê duyệt. Đối với cả QĐ 488 và NĐ 20, vui lòng cho biết giai đoạn nào của quá trình thực hiện chính sách mà anh/chị cảm thấy thoải mái nhất để chia sẻ.

[Ghi chú: Quyết định chính sách nào cần tập trung cho cuộc phỏng vấn.]

Người phỏng vấn cần xác nhận Người cung cấp thông tin đã tham gia vào các giai đoạn sau đây:

	QUYẾT ĐỊNH 488	NGHỊ ĐỊNH 20
Xác định nhu cầu		
Soạn thảo chính sách		
Phê duyệt chính sách		

Phần 1. Đối với những người trả lời có tham gia vào quá trình xác định nhu cầu

1. *[Chỉ hỏi nếu cần]* Anh/chị có tham gia vào quá trình xác định nhu cầu cho QĐ 488/NĐ 20 không?
2. Khi có quyết định cải cách trợ giúp xã hội, tại thời điểm Nghị quyết 15/2012, anh/chị có nhớ lý do kiến nghị và có bất kỳ yêu cầu nào đối với chính sách nhằm đáp ứng giới không?
[Gợi ý: Các yêu cầu nội bộ từ bên trong chính phủ/Bộ và/hoặc các yêu cầu bên ngoài? Anh/chị biết gì về các yêu cầu đó? Những yêu cầu đó là gì? Có bằng chứng nào liên quan đến giới (dữ liệu, nghiên cứu, đánh giá) thể hiện quyết định cải cách không?]
3. Đối thoại chính sách có thể bao gồm cả các cuộc thảo luận chính thức và không chính thức giữa các nhà hoạch định chính sách với các chuyên gia và những người ủng hộ; bao gồm cuộc gọi điện thoại, các cuộc họp hai bên và các hội nghị. Trước quá trình soạn thảo (QĐ 488/NĐ 20), có cuộc đối thoại chính sách nào về khả năng đáp ứng giới của cải cách chính sách trợ giúp xã hội không? Anh/chị có thể cho biết thêm về đối thoại chính sách đó không?
[Gợi ý: Ai là người khởi xướng cuộc đối thoại và có những ai tham gia? Anh/chị đã tham gia vào cuộc đối thoại này như thế nào? Các cuộc tranh luận/thảo luận về vấn đề gì? Có cuộc thảo luận chính thức/không chính thức nào khác không?]
4. Anh/chị có biết bất kỳ bằng chứng nào về giới (dữ liệu, nghiên cứu, đánh giá, v.v.) được sử dụng trong đối thoại chính sách trước quá trình soạn thảo nhằm lồng ghép vấn đề về giới vào cải cách chính sách trợ giúp xã hội không?
[Gợi ý: Cụ thể là bằng chứng nào? Anh/chị có tham gia vào bất kỳ quá trình cung cấp bằng chứng liên quan nào không? Có ai khác tham gia vào quá trình cung cấp bằng chứng đó không (tổ chức chính phủ/phi chính phủ)? Bằng chứng được đưa ra có vì mục đích cải cách không (QĐ 488 hay NĐ 20)? Bằng chứng có được cung cấp đầy đủ không?]
5. Nhận thức của riêng anh/chị về các đề xuất liên quan đến giới tại thời điểm đối thoại chính sách là gì?
[Gợi ý: Anh/chị có cho rằng chúng là cần thiết/không cần thiết; thực tế/không thực tế, v.v.? Có bất kỳ cam kết công và tư nào được thực hiện để kết hợp các đề xuất không?]
6. Anh/chị có biết bất kỳ bằng chứng nào khác về giới có liên quan đến các cải cách không?
[Gợi ý: Cụ thể là bằng chứng nào? Ai đã cung cấp bằng chứng đó? Bằng chứng được đưa ra vì mục đích cải cách không? Anh/chị nhìn nhận thế nào về bằng chứng đó?]
7. Anh/chị có thể chia sẻ bản sao của bằng chứng mà anh/chị đã đề cập không? Nếu được, chúng tôi có thể theo dõi qua email.
8. Quá trình xác định nhu cầu về giới đã được cải thiện như thế nào trước khi soạn thảo chính sách?
9. *(Chỉ hỏi nếu cần và có đủ thời gian)* Anh/chị có kinh nghiệm liên quan đến việc xác định nhu cầu cho chính sách khác (QĐ 488 hoặc NĐ 20) không? Có sự khác biệt nổi bật nào trong quá trình xem xét vấn đề về giới không?

Phần 2. Đối với những người trả lời tham gia vào quá trình soạn thảo chính sách

1. *[Chỉ hỏi nếu cần]* Anh/chị có tham gia vào quá trình soạn thảo chính sách cho QĐ 488/NĐ 20 không?
2. Anh/chị có thể mô tả quá trình soạn thảo chính sách cho QĐ 488/NĐ 20 và vai trò cụ thể của anh/chị trong quá trình này là gì?
[Gợi ý: Các giai đoạn khác nhau trong quá trình soạn thảo, các đối tượng chính bên trong và bên ngoài tham gia/tham vấn, có gặp phải bất kỳ thách thức hay chậm trễ nào trong quá trình này không?]
3. Anh/chị có biết các yếu tố dễ bị tổn thương về giới, bất bình đẳng và các phản hồi được ban soạn thảo bàn luận nội bộ tại thời điểm nào trong quá trình soạn thảo và ai đã tham gia vào cuộc thảo luận đó?
[Gợi ý: Vụ Bình đẳng giới đã tham gia vào quá trình này như thế nào? Có đối tượng nội bộ nào khác tham gia không?]
4. Anh/chị có nhớ cuộc thảo luận về vấn đề gì không? Khi đó, các yếu tố đáp ứng giới có trong các văn bản dự thảo là gì?
[Gợi ý: Những yếu tố đáp ứng giới nào không được đưa vào các văn bản dự thảo? Tại sao không? Điều nào sau đây quan trọng đối với anh/chị? Tại sao?]
5. Để lồng ghép các yếu tố đáp ứng giới vào chính sách đang được soạn thảo (QĐ 488/NĐ 20), cá nhân anh/chị có nhận được bất kỳ hình thức hỗ trợ nào không: anh/chị có nhận được lời khuyên từ các chuyên gia về giới không, anh/chị có sử dụng bất kỳ hướng dẫn cụ thể nào về cách lồng ghép các vấn đề về giới hay áp dụng những điều anh/chị đã học được từ một khóa đào tạo về giới trước đây?
6. Là người tham gia vào “giai đoạn thu thập ý kiến”, anh/chị có thể cho biết một số đề xuất liên quan đến giới từ các đối tượng tham vấn bên ngoài có được đưa vào quá trình soạn thảo không? Vui lòng chia sẻ thông tin anh/chị biết.
[Gợi ý: Ai đã cung cấp cho anh/chị và ban soạn thảo những đề xuất đó và bằng cách nào? Những đề xuất cụ thể nào liên quan đến giới đã được đưa ra? Chúng có được đưa vào các văn bản dự thảo không? Những yếu tố đáp ứng giới đã được đề xuất nhưng không được đưa vào văn bản dự thảo? Tại sao không?]
7. Chính sách có được công bố trên cổng thông tin của Bộ LĐTBXH như một phần của giai đoạn “thu thập ý kiến” không và có nhận được đề xuất nào liên quan đến giới không?
[Gợi ý: (Các) Đề xuất đó là gì? Các đề xuất có được xem xét trong dự thảo không? Nếu không, tại sao?]
8. Tôi hiểu rằng phiên bản chính sách cuối cùng được phê duyệt có thể khác với các bản dự thảo ban đầu. Các phương diện đáp ứng giới của nội dung chính sách đã phát triển như thế nào trong quá trình này?
[Gợi ý: Có bất kỳ yếu tố đáp ứng giới nào được đưa vào văn bản dự thảo nhưng sau đó bị loại bỏ không? Tại sao?]
9. Anh/chị có thể chia sẻ bản sao của các văn bản dự thảo/bản đề trình trong quá trình soạn thảo cùng với các đề xuất chính sách khác không? Đó có thể là những nhận xét về các văn bản dự thảo hoặc các tài liệu văn bản khác. Nếu được, chúng tôi có thể theo dõi qua email.

10. QĐ 488/NĐ 20 đáp ứng giới ở mức độ nào?
[Gợi ý: Những yếu tố cụ thể nào anh/chị cho là đáp ứng tình trạng dễ bị tổn thương về giới và bất bình đẳng giới? Đối với anh/chị, chính sách đáp ứng giới phải như thế nào?]
11. Làm cách nào để cải thiện quy trình soạn thảo chính sách tổng thể để lồng ghép các cân nhắc về giới hiệu quả hơn?
12. Anh/chị có biết các quy định của pháp luật đối với Đánh giá tác động về giới (ĐGTĐG) của bất kỳ luật hoặc chính sách mới nào (Nghị định 34/2016/NĐ-CP) không? ĐGTĐG có được áp dụng cho QĐ 488/NĐ 20 không? Nếu có, anh/chị có thể cho chúng tôi biết về quá trình đó và điều đó có tác động đến nội dung chính sách không?
[Gợi ý: Ai đã thực hiện Đánh giá tác động về giới và khi nào? Anh/chị có tham gia vào quá trình đó không? Anh/chị có nhớ điểm cụ thể nào không? Chất lượng của cuộc đánh giá như thế nào? Kết quả của cuộc đánh giá như thế nào? Nếu không được áp dụng, anh/chị có biết lý do tại sao và khi nào?]
13. (Hỏi nếu ĐGTĐG được áp dụng) Anh/chị có thể chia sẻ bản sao của ĐGTĐG được đính kèm với văn bản chính sách cuối cùng không. Nếu được, chúng tôi có thể theo dõi qua email.
14. (Chỉ hỏi nếu cần và có đủ thời gian) Anh/chị có kinh nghiệm liên quan đến việc soạn thảo chính sách khác (QĐ 488 hoặc NĐ 20) không? Có sự khác biệt nổi bật nào trong quá trình xem xét vấn đề về giới trong giai đoạn soạn thảo không?

Phần 3. Đối với những người trả lời tham gia quá trình phê duyệt chính sách

1. [Chỉ hỏi nếu cần] Anh/chị có tham gia vào quá trình phê duyệt chính sách cho QĐ 488/NĐ 20 không?
2. Anh/chị có biết sau khi soạn thảo nội dung QĐ 488/NĐ 20, quy trình cụ thể cho đến khi chính phủ phê duyệt là gì không? Anh/chị có tham gia vào quá trình này không? Bằng cách nào? Anh/chị có thể chia sẻ với chúng tôi thông tin mà anh/chị biết?
[Gợi ý: Nếu anh/chị chịu trách nhiệm xem xét và/hoặc thông qua các văn bản, anh/chị có thực hiện bất kỳ thay đổi nào đối với nội dung của các văn bản không? Nếu có, thay đổi đó có liên quan đến nội dung đáp ứng giới không? Tại sao? Tại sao không?]
3. Về các cơ quan khác nhau được yêu cầu xem xét và thông qua các văn bản trước khi ban hành (Bộ Tư pháp, Chính phủ, Ủy ban Xã hội của Quốc hội), anh/chị có biết về bất kỳ đề xuất nào được đưa ra đối với chính sách và chúng có ảnh hưởng đến nội dung về giới trong các văn bản không?
[Gợi ý: Chuyên gia về giới có được mời tham dự cuộc họp kiểm tra (do Hội đồng Dân tộc hoặc Ủy ban Xã hội của Quốc hội chủ trì) không? Các đề xuất của họ là gì? Các đề xuất có được xem xét không?]
4. (Hỏi nếu ĐGTĐG được áp dụng) Các cơ quan trên có nhận xét hay hỏi về kết quả Đánh giá tác động về giới (được đính kèm trong chính sách) không?
5. Làm cách nào để cải thiện quy trình phê duyệt chính sách để lồng ghép các cân nhắc về giới hiệu quả hơn?

6. *(Chỉ hỏi nếu cần và có đủ thời gian)* Anh/chị có kinh nghiệm liên quan đến việc phê duyệt chính sách khác (QĐ 488 hoặc NĐ 20) không? Có sự khác biệt nổi bật nào trong quá trình xem xét vấn đề về giới không?

Phần 4. Kiến thức và nhận thức về “giới” - đối với tất cả người trả lời phỏng vấn

1. Làm cách nào để chính sách [QĐ 488/NĐ 20] có khả năng đáp ứng giới tốt hơn?
2. Làm thế nào để quá trình hoạch định chính sách có khả năng đáp ứng giới tốt hơn?
3. Theo anh/chị, vai trò của an sinh xã hội trong việc giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương về giới là gì? Và vai trò cụ thể của trợ giúp xã hội?
[Gợi ý: Anh/chị hiểu thế nào về bất bình đẳng giới? Đây là những biểu hiện của bất bình đẳng giới ở Việt Nam?]
4. Anh/chị định nghĩa thế nào về “lồng ghép giới”? Theo anh/chị, lồng ghép giới có giúp ích trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội đáp ứng giới không?
5. Bộ LĐTBXH có quy trình lồng ghép giới nào không và có cơ chế lồng ghép giới nào trong Bộ được thực hiện trong quá trình hoạch định chính sách của QĐ 488 và NĐ 20 không?]

[Câu hỏi QUAN TRỌNG cuối cùng]

Anh/chị có thể giới thiệu các đối tượng khác đã tham gia vào quá trình xây dựng chính sách để chúng tôi có thể trò chuyện không? *(Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, học giả, chuyên gia độc lập, v.v.)*

Kết thúc

Hướng dẫn chủ đề - Các tổ chức/cá nhân ủng hộ giới

Bật bản ghi âm.

Cung cấp thông tin và sự đồng ý tham gia phỏng vấn

Xin chào, tôi là _____. [Giới thiệu ngắn gọn]. Chúng tôi đã gửi cho anh/chị bản giới thiệu dưới đây về nghiên cứu và sự tham gia của anh/chị qua email trước cuộc họp này cùng với các thông tin liên hệ trong trường hợp anh/chị có bất kỳ câu hỏi nào.

(Anh/chị được mời tham gia một nghiên cứu do Văn phòng Nghiên cứu của UNICEF phối hợp với Văn phòng UNICEF tại Việt Nam và Cục Bảo trợ xã hội thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội thực hiện.) Việc anh/chị tham gia vào nghiên cứu này là tự nguyện nhưng chúng tôi hy vọng anh/chị sẽ đồng ý trả lời các câu hỏi vì chúng tôi đánh giá cao quan điểm của anh/chị.

Nghiên cứu nhằm mục đích tìm hiểu về quá trình xây dựng các chính sách trợ giúp xã hội gần đây, cụ thể là QĐ 488 và NĐ 20 cũng như cách thức xem xét các yếu tố dễ bị tổn thương về giới và bất bình đẳng giới trong quá trình hình thành, soạn thảo và phê duyệt các chính sách này.

Anh/chị sẽ không nhận được bất kỳ lợi ích cá nhân hay phần thưởng nào khi tham gia vào nghiên cứu. Tuy nhiên, những phát hiện của nghiên cứu sẽ được công bố và sẽ đóng góp vào nghiên cứu có quy mô rộng hơn về an sinh xã hội đáp ứng giới và độ tuổi nhằm cải thiện chính sách an sinh xã hội và quá trình thực hiện chính sách ở Việt Nam và các quốc gia khác.

Cuộc phỏng vấn sẽ kéo dài khoảng 1 tiếng đến 1 tiếng 30 phút. Tên của anh/chị và tất cả các câu trả lời cá nhân mà anh/chị cung cấp sẽ được bảo mật và sẽ không được chia sẻ với bất kỳ người nào khác ngoài nhóm nghiên cứu. Danh tính của anh/chị sẽ không được công bố trong bất kỳ ấn phẩm nào.

Việc tham gia phỏng vấn sẽ không gây ra bất kỳ rủi ro nào cho cá nhân anh/chị. Tuy nhiên, nếu có câu hỏi nào mà anh/chị không muốn trả lời, hãy cho tôi biết và tôi sẽ chuyển sang câu hỏi tiếp theo. Anh/chị cũng có thể dừng cuộc phỏng vấn bất cứ lúc nào.

- Anh/chị có ý kiến gì về phần giới thiệu trên đây và đồng ý phỏng vấn không?
- Anh/chị có câu hỏi nào dành cho tôi không?
- Anh/chị có phiền nếu chúng tôi tiếp tục ghi lại cuộc phỏng vấn này? [Nếu không, xác nhận rằng người phỏng vấn thứ hai sẽ ghi chép lại bằng văn bản].
- Bây giờ, tôi có thể bắt đầu cuộc phỏng vấn không?

Hoàn thành các thông tin sau trong Danh sách tổng thể.

Ngày phỏng vấn: ____ / ____ / ____

ngày tháng năm

ID của người được phỏng vấn: _____

Người phỏng vấn chính: _____

Người phỏng vấn thứ hai: _____

Giới thiệu - Tất cả người trả lời phỏng vấn

[Nếu cần] Anh/chị có thể giới thiệu ngắn gọn về bản thân, bao gồm các công việc hiện tại và trong quá khứ.

Chúng tôi đang thảo luận về các cải cách gần đây về trợ giúp xã hội, cụ thể là Quyết định 488/2017 (Đề án ĐMPT-HTTGXH) và Nghị định 20/2021. Vui lòng cho biết ngắn gọn anh/chị đã thực hiện các chính sách đó như thế nào?

Chúng tôi quan tâm đến các giai đoạn khác nhau của quá trình xây dựng chính sách bao gồm xác định nhu cầu, soạn thảo và phê duyệt chính sách. Đối với cả Quyết định 488 và Nghị định 20, vui lòng cho biết giai đoạn nào của quá trình thực hiện chính sách mà anh/chị cảm thấy thoải mái nhất để chia sẻ.

[Ghi chú: Quyết định chính sách nào cần tập trung cho cuộc phỏng vấn.]

Người phỏng vấn cần xác nhận Người cung cấp thông tin đã tham gia vào các giai đoạn sau đây:

	Cải cách BHXH/Nghị quyết 15	Quyết định 488	Nghị định 20
Xác định nhu cầu			
Soạn thảo chính sách			
Phê duyệt chính sách			

Phần 1. Đối với những người trả lời tham gia quá trình xác định nhu cầu

- [Chỉ hỏi nếu cần] Anh/chị có tham gia vào quá trình xác định nhu cầu cho QĐ 488/NĐ 20 không?
- Khi có quyết định cải cách trợ giúp xã hội, tại thời điểm Nghị quyết 15/2012, có bất kỳ yêu cầu nào đối với chính sách nhằm đáp ứng giới không?
[Gợi ý: Từ ai? Anh/chị có biết lý do không? Đó có phải là những loại yêu cầu khác nhau không? Tổ chức của anh/chị có yêu cầu cụ thể về điều này không? Nếu có, yêu cầu/vị trí của tổ chức của anh/chị là gì?]
- Đối thoại chính sách có thể bao gồm cả các cuộc thảo luận chính thức và không chính thức giữa các nhà hoạch định chính sách với các chuyên gia và những người ủng hộ. Trước quá trình soạn thảo (QĐ 488 hoặc NĐ 20), có cuộc đối thoại chính sách nào về khả năng đáp ứng giới của cải cách không? Anh/chị có thể cho biết thêm về đối thoại chính sách đó không?
[Gợi ý: Ai là người khởi xướng cuộc đối thoại và có những ai tham gia? Anh/chị đã tham gia vào cuộc

đối thoại này như thế nào và giữ vị trí gì? Các cuộc tranh luận/thảo luận về vấn đề gì? Có cuộc thảo luận chính thức/không chính thức nào khác không?]

4. Anh/chị có biết bất kỳ bằng chứng nào về giới (dữ liệu, nghiên cứu, đánh giá, v.v.) được sử dụng trong đối thoại chính sách nhằm lồng ghép vấn đề về giới vào cải cách trợ giúp xã hội không?
[Gợi ý: Cụ thể là bằng chứng nào? Anh/chị có tham gia vào bất kỳ quá trình cung cấp bằng chứng liên quan nào không? Có ai khác tham gia vào quá trình cung cấp bằng chứng đó không (tổ chức chính phủ/phi chính phủ)? Bằng chứng được đưa ra vì mục đích cải cách không? Bằng chứng đó có được đưa ra một cách cụ thể và đầy đủ/thích hợp để tác động đến cải cách được đề xuất không?]
5. Đối với anh/chị, những đề xuất quan trọng nhất từ bằng chứng liên quan đến việc xây dựng hoặc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội là gì?
6. Anh/chị nghĩ các quan chức chính phủ chịu trách nhiệm về cải cách chính sách trợ giúp xã hội vào thời điểm đó nhận thức những đề xuất này như thế nào và tại sao?
[Gợi ý: Những cam kết công cộng và tư nhân nào đã được thực hiện? Cuộc thảo luận có ảnh hưởng đến cách thức xem xét các yếu tố dễ bị tổn thương và bất bình đẳng về giới khi cải cách trợ giúp xã hội không?]
7. Anh/chị có biết về bất kỳ bằng chứng hoặc kênh nào khác được sử dụng để ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng giới của cải cách trợ giúp xã hội không?
[Gợi ý: Cụ thể là bằng chứng nào? Ai đã cung cấp bằng chứng đó? Bằng chứng được đưa ra vì mục đích cải cách không? Anh/chị nhìn nhận thế nào về bằng chứng đó?]
8. Anh/chị có thể chia sẻ bản sao của bằng chứng mà anh/chị đã đề cập không? Nếu được, chúng tôi có thể theo dõi qua email.
9. Quá trình xác định nhu cầu về giới được cải thiện như thế nào trước khi có chính sách?
10. *(Chỉ hỏi nếu cần và có đủ thời gian)* Anh/chị có kinh nghiệm liên quan đến việc xác định nhu cầu cho chính sách khác (QĐ 488 hoặc NĐ 20) không? Có sự khác biệt nổi bật nào trong quá trình xem xét vấn đề về giới không?

Phần 2. Đối với những người trả lời tham gia vào quá trình soạn thảo chính sách

1. *[Chỉ hỏi nếu cần]* Anh/chị có tham gia vào quá trình soạn thảo chính sách cho QĐ 488/NĐ 20 không?
2. Anh/chị biết gì về quá trình soạn thảo chính sách cho QĐ 488/NĐ 20?
3. Anh/chị biết gì về cách thức xem xét các yếu tố dễ bị tổn thương về giới và bất bình đẳng giới trong quá trình soạn thảo (các phiên bản văn bản khác nhau)?
4. Anh/chị có được hỏi ý kiến trong quá trình soạn thảo không? Vui lòng cho chúng tôi biết về sự tham gia của anh/chị trong quá trình này.
[Gợi ý: Tham gia giai đoạn nào? Chính thức hay không chính thức? Trên nội dung nào/phiên bản nào của văn bản? Tham gia một hay nhiều lần?]

5. Những đề xuất liên quan đến giới là gì và những đề xuất này đã được đưa vào chính sách dự thảo ở mức độ nào?
[Gợi ý: Nếu không, anh/chị cho rằng lý do là gì?]
6. Các đối tượng bên ngoài khác có được tham vấn không và anh/chị biết gì về các đề xuất liên quan đến giới của họ đối với các văn bản?
[Gợi ý: Các đề xuất của họ có khác với của anh/chị không? Các đề xuất có được xem xét không? Nếu có, anh/chị có biết lý do không? Nếu không, tại sao không?]
7. Có bất kỳ yếu tố đáp ứng giới nào được đưa vào văn bản dự thảo trong quá trình soạn thảo nhưng sau đó bị loại bỏ không?
[Gợi ý: Nếu có, tại sao?]
8. Anh/chị có thể chia sẻ bản sao của các bản đề trình của anh/chị cho Bộ LĐTBXH trong quá trình soạn thảo cùng với các đề xuất cho chính sách không? Đó có thể là những nhận xét về các văn bản dự thảo hoặc các tài liệu văn bản khác. Nếu được, chúng tôi có thể theo dõi qua email.
9. Theo anh/chị, QĐ 488/NĐ 20 thể hiện khả năng đáp ứng giới ở mức độ nào?
[Gợi ý: Những yếu tố nào anh/chị cho là đáp ứng tình trạng dễ bị tổn thương về giới và bất bình đẳng giới? Đối với anh/chị, chính sách đáp ứng giới phải như thế nào?]
10. Làm cách nào để cải thiện quy trình soạn thảo chính sách để lồng ghép các cân nhắc về giới hiệu quả hơn?
11. Anh/chị có biết về các quy định của pháp luật đối với Đánh giá tác động về giới (ĐGTĐG) của bất kỳ luật hoặc chính sách mới nào không (Nghị định 34/2016/NĐ-CP) ? ĐGTĐG có được áp dụng cho QĐ 488/NĐ 20 không? Nếu có, anh/chị có thể cho chúng tôi biết về quá trình đó và điều đó có tác động đến nội dung chính sách không?
[Gợi ý: Ai đã thực hiện Đánh giá tác động về giới và khi nào? Anh/chị có tham gia vào quá trình đó không? Anh/chị có nhớ điểm cụ thể nào không? Chất lượng của cuộc đánh giá như thế nào? Kết quả của cuộc đánh giá như thế nào? Nếu không được áp dụng, anh/chị có biết lý do tại sao và khi nào?]
12. *(Chỉ hỏi nếu cần và có đủ thời gian)* Anh/chị có kinh nghiệm liên quan đến việc soạn thảo chính sách khác (QĐ 488 hoặc NĐ 20) không? Có sự khác biệt nổi bật nào trong quá trình xem xét vấn đề về giới không?

Phần 3. Đối với những người trả lời tham gia quá trình phê duyệt chính sách

1. *[Chỉ hỏi nếu cần]* Anh/chị có tham gia vào quá trình phê duyệt chính sách cho QĐ 488/NĐ 20 không?
2. Anh/chị hiểu gì về quy trình phê duyệt, từ khi Bộ LĐTBXH soạn thảo nội dung QĐ 488/NĐ 20 đến khi phê duyệt?
3. Về các cơ quan khác nhau được yêu cầu xem xét và thông qua các văn bản trước khi ban hành (Bộ Tư pháp, Chính phủ, Ủy ban Xã hội của Quốc hội), Anh/chị có biết về bất kỳ đề xuất nào được đưa ra đối với chính sách và chúng có ảnh hưởng đến nội dung về giới trong các văn bản không?

4. Anh/chị có được mời phát biểu tại cuộc họp kiểm tra (do Hội đồng Dân tộc hoặc Ủy ban Xã hội của Quốc hội chủ trì) không? Anh/chị có đưa ra bất kỳ đề xuất đáp ứng giới nào không và chúng có được chấp nhận không?
[Gợi ý: Tại sao có và tại sao không? Anh/chị có thể cho chúng tôi biết về quá trình này không?]
5. Theo hiểu biết của anh/chị, các chuyên gia về giới có được mời tham dự cuộc họp kiểm tra (do Hội đồng Dân tộc hoặc Ủy ban Xã hội của Quốc hội chủ trì) không? Những đề xuất đáp ứng giới của họ là gì? Các đề xuất có được xem xét không?
6. Làm cách nào để cải thiện quy trình phê duyệt chính sách để lồng ghép các cân nhắc về giới hiệu quả hơn?
7. *(Chỉ hỏi nếu cần và có đủ thời gian)* Anh/chị có kinh nghiệm liên quan đến việc phê duyệt chính sách khác (QĐ 488 hoặc NĐ 20) không? Có sự khác biệt nổi bật nào trong quá trình xem xét vấn đề về giới không?

Phần 4. Kiến thức và nhận thức về “giới” - đối với tất cả người trả lời phỏng vấn

1. Anh/chị hiểu thế nào về bất bình đẳng giới?
2. Đây là những biểu hiện của bất bình đẳng giới ở Việt Nam?
3. Theo anh/chị, vai trò của an sinh xã hội trong việc giải quyết tình trạng dễ bị tổn thương về giới là gì? Và vai trò cụ thể của trợ giúp xã hội?
4. Anh/chị định nghĩa thế nào về “lồng ghép giới”? Theo anh/chị, lồng ghép giới có giúp ích trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội đáp ứng giới không?
5. Bộ LĐTBXH có quy trình lồng ghép giới nào không và có cơ chế lồng ghép giới nào trong Bộ được thực hiện trong quá trình hoạch định chính sách của QĐ 488 và NĐ 20 không?
6. Theo anh/chị, làm cách nào để cải thiện quy trình hoạch định chính sách nhằm tăng khả năng đáp ứng giới tốt hơn?

[Câu hỏi QUAN TRỌNG cuối cùng]

Anh/chị có thể giới thiệu các đối tượng khác đã tham gia vào quá trình xây dựng chính sách để chúng tôi có thể trò chuyện không? *(Các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, học giả, chuyên gia độc lập, v.v.)*

Kết thúc

III. Hướng dẫn tham khảo

1. Có những hành động và cơ hội nào trong quá trình cải cách chính sách có khả năng ảnh hưởng đến việc lồng ghép yếu tố đáp ứng giới vào xây dựng chính sách?

<p>1.1. Quy trình chung</p>	<p>Chủ đề này liên quan đến các mô tả về quy trình hoạch định chính sách chung hoặc điển hình. Quy trình bao gồm mọi giải thích mô tả về các quy trình chính sách bất kể liên quan đến giới và không liên quan đến một chính sách cụ thể (ví dụ: Nghị quyết 15, NĐ 20, QĐ 488). Điều này sẽ giúp xây dựng hiểu biết đầy đủ về quá trình xây dựng chính sách ngoài các quy trình được mô tả trong Luật văn bản hành chính các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản có liên quan khác.</p>
<p>1.2. Nghị quyết 15</p>	<p>Chủ đề này liên quan đến mọi giải thích về Nghị quyết 15. Do có tương đối ít thông tin về Nghị quyết 15, bộ quy tắc này không cần phải chia nhỏ theo các giai đoạn của quá trình chính xây dựng chính sách hoặc nội dung liên quan đến giới.</p>
<p>1.3. Quá trình xây dựng chính sách</p> <p>QĐ 488 - Bằng chứng; Tham vấn; Soạn thảo; Phê duyệt</p> <p>NĐ 20 - Bằng chứng; Tham vấn; Soạn thảo; ĐGTĐG; Phê duyệt</p>	<p>Chủ đề này liên quan đến các mô tả về từng giai đoạn riêng biệt của quá trình hoạch định chính sách đối với NĐ 20 hoặc QĐ 488 bất kể không liên quan đến giới. Quy tắc được quy định cụ thể hơn theo giai đoạn xây dựng chính sách: bằng chứng, tham vấn, soạn thảo, ĐGTĐG, phê duyệt. Điều này sẽ giúp xây dựng hiểu biết đầy đủ về quá trình xây dựng chính sách ngoài các quy trình được mô tả trong Luật văn bản hành chính các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản có liên quan khác cũng như chủ đề về quá trình xây dựng chính sách chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bằng chứng bao gồm các nghiên cứu, đánh giá, dữ liệu, nghiên cứu ở nước ngoài, đào tạo về an sinh xã hội, v.v. • Tham vấn là quá trình tìm hiểu trước khi soạn thảo, thông qua cuộc họp hai bên, thảo luận không chính thức, hội thảo, v.v. • Soạn thảo/thu thập ý kiến bao gồm tất cả các quá trình liên quan đến việc soạn thảo tài liệu, chia sẻ với ban nghiên cứu và các chuyên gia bên ngoài khác, các nhận xét góp ý nhận được v.v. • ĐGTĐG là bản đánh giá tác động về giới • Thẩm định/Phê duyệt liên quan đến hồ sơ được chia sẻ với các thành viên hội đồng thẩm định, và các nhận xét/phản hồi và thẩm tra của Văn phòng Chính phủ.
<p>1.4. Hành động về giới: Hành động hoặc cơ hội liên quan đến giới trong quá trình xây dựng chính sách</p> <p>QĐ 488 - Bằng chứng; Tham vấn; Soạn thảo; ĐGTĐG; Phê duyệt</p> <p>NĐ 20 - Bằng chứng; Tham vấn; Soạn thảo; ĐGTĐG; Phê duyệt</p>	<p>Chủ đề này xác định các hành động hoặc cơ hội cụ thể của mọi đối tượng tham gia vào quá trình xây dựng chính sách có thể được xác định là có tác động thực tế hoặc có tiềm năng tác động đến khả năng đáp ứng giới của việc xây dựng chính sách (cả tích cực và tiêu cực), bao gồm cả các cơ hội (bị bỏ lỡ). Quá trình này bao gồm (<i>trong số các yếu tố khác</i>) cung cấp bằng chứng, đối thoại, tham vấn, đệ trình bằng văn bản, soạn thảo, đề xuất và chỉ thị, bởi bất kỳ đối tượng nào tham gia vào quá trình xây dựng chính sách. Bộ quy tắc được quy định cụ thể hơn theo chính sách (NĐ 20/ QĐ 488) và giai đoạn xây dựng chính sách: bằng chứng, tham vấn, soạn thảo, ĐGTĐG, phê duyệt.</p>

<p>1.5. Đề xuất về giới: Hành động hoặc cơ hội liên quan đến giới trong quá trình xây dựng chính sách với các đề xuất cụ thể</p> <p>QĐ 488 - Bằng chứng; Tham vấn; Soạn thảo; ĐGTĐG; Phê duyệt</p> <p>NĐ 20 - Bằng chứng; Tham vấn; Soạn thảo; ĐGTĐG; Phê duyệt</p>	<p>Đây là <i>chủ đề phụ</i> của “Hành động về giới”, xác định mọi hành động bao gồm tham chiếu đến đề xuất cụ thể đáp ứng giới. Điều này giúp phân tích loại và mức độ của các đề xuất được đưa ra liên quan đến những điều được đưa vào nội dung chính sách.</p>
--	---

2. Làm cách nào để mối quan tâm (quan điểm về giới) và tầm ảnh hưởng của các chủ thể chính quyết định việc lồng ghép yếu tố đáp ứng giới vào quá trình xây dựng chính sách

<p>2.1. Quan điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giới (Ban soạn thảo, hội đồng thẩm định, nhà vận động về giới (chính phủ), tổ chức chính phủ khác, tổ chức quốc tế, tổ chức xã hội) • Lồng ghép giới (Ban soạn thảo, hội đồng thẩm định, nhà vận động về giới (chính phủ), tổ chức chính phủ khác, tổ chức quốc tế, tổ chức xã hội) • Nghèo đói và dễ bị tổn thương (Ban soạn thảo, hội đồng thẩm định, nhà vận động về giới (chính phủ), tổ chức chính phủ khác, tổ chức quốc tế, tổ chức xã hội) • ASXH (Ban soạn thảo, hội đồng thẩm định, nhà vận động về giới (chính phủ), tổ chức chính phủ khác, tổ chức quốc tế, tổ chức xã hội) <p>2.2. Tầm ảnh hưởng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ban soạn thảo • Hội đồng thẩm định • Nhà vận động về giới (chính phủ) • Các cơ quan chính phủ khác • Quốc tế • Tổ chức xã hội 	<p>Chủ đề này xác định mọi đối tượng chính (cá nhân) tham gia vào quá trình cải cách chính sách và xem xét quan điểm về giới của họ về trợ giúp xã hội đáp ứng giới và khả năng ảnh hưởng của họ đến quá trình này.</p> <p><i>Các quan điểm và mối quan tâm</i> sẽ được xác định <i>thông qua các giải thích về cơ sở lý luận</i> đằng sau các đề xuất được đưa ra cũng như kiến thức và thái độ được công bố đối với bốn chủ đề riêng biệt: giới; lồng ghép giới; nghèo đói và dễ bị tổn thương, trợ giúp xã hội. Các tài liệu tham khảo về giới và trợ giúp xã hội sẽ được đưa vào bộ quy tắc về trợ giúp xã hội. Điều này có thể yêu cầu lập quy tắc cùng với “Đề xuất về giới” nhưng chỉ khi một cơ sở lý luận được đưa ra.</p> <p><i>Ảnh hưởng</i> sẽ được xác định thông qua nhận thức của chính các đối tượng và những tổ chức khác về mức độ ảnh hưởng của họ trong quá trình bao gồm ký ức, khả năng thừa nhận và chấp nhận các khuyến nghị (hoặc không), và tham chiếu đến độ tin cậy của các <i>đối tượng</i>. Ảnh hưởng của các đối tượng cũng phụ thuộc vào các yếu tố thể chế được xem xét trong câu hỏi nghiên cứu 3. Chúng tôi đánh giá ảnh hưởng nói chung không chỉ liên quan đến lồng ghép giới.</p> <p>Nội dung thể hiện quan điểm hoặc ảnh hưởng của đối tượng sẽ được đưa vào bộ quy tắc theo <i>loại đối tượng</i> mà quan điểm hoặc hành động đề cập đến (tức là không nhất thiết phải là người trả lời). Các chuyên gia từ các cơ quan của chính phủ (ví dụ như các cán bộ của Cục BTXH đã nghỉ hưu) nên được đưa vào “các cơ quan khác thuộc chính phủ”.</p>
--	--

3. Các chuẩn mực và yếu tố thể chế đã ảnh hưởng như thế nào đến cơ hội, mối quan tâm và ảnh hưởng của các chủ thể trong việc lồng ghép đáp ứng giới vào quá trình xây dựng chính sách?

<p>3.1. Quá trình xây dựng chính sách Hiểu biết và áp dụng các luật và chính sách chi phối quá trình hoạch định chính sách</p>	<p>Chủ đề này tập trung vào cách các nhà hoạch định chính sách hiểu và áp dụng luật và chính sách trong quá trình hoạch định chính sách, bao gồm lồng ghép giới, định hình (cho phép hoặc hạn chế) tính nhạy cảm về giới của quá trình hoạch định chính sách. Chủ đề này tập trung vào các ý tưởng phân tích về những điều ảnh hưởng đến động lực của quá trình xây dựng chính sách - phần lớn những hiểu biết này đến từ các ý kiến về cách lồng ghép giới trong quá trình chính xây dựng chính sách có thể được thực hiện tốt hơn.</p> <p>Chủ đề này khác với “hành động và cơ hội liên quan đến giới” trong quá trình xây dựng chính sách (câu hỏi nghiên cứu 1) liên quan đến các hành động (hoặc cơ hội) cụ thể có thể đã ảnh hưởng đến nội dung của chính sách. Khác với các đặc điểm của tổ chức (nhiệm vụ, quan điểm, nguồn lực), chủ đề này tập trung vào <i>quá trình</i> hoạch định chính sách hơn là các tổ chức cụ thể và vào <i>cách mọi thứ được thực hiện (áp dụng)</i>, có thể dựa trên các chuẩn mực phổ biến (thay vì chỉ nguồn lực).</p>
<p>3.2. Nguồn lực tổ chức cho lồng ghép giới</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nguồn lực tài chính • Nguồn lực nhân sự • Nguồn lực kỹ thuật • Nguồn bằng chứng 	<p>Chủ đề này tập trung vào tính khả dụng của các nguồn lực tài chính, nguồn lực nhân sự (tình trạng sẵn có, kiến thức và kỹ năng của các chuyên gia về giới và kiến thức và kỹ năng của các nhà hoạch định chính sách), và các nguồn lực kỹ thuật (đào tạo, hướng dẫn) và bằng chứng (nghiên cứu, dữ liệu) ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng giới của quá trình hoạch định chính sách. Ngân sách được phân bổ cho quá trình xây dựng chính sách nói chung và cho các hoạt động lồng ghép giới nói riêng.</p> <p>Bộ quy tắc này cũng bao gồm “Cam kết chính trị đối với việc lồng ghép giới” - cam kết ở mức độ “cao hơn” đối với lồng ghép giới ngoài nguồn lực của một tổ chức cụ thể.</p>

4. Ở cấp độ rộng hơn, các ý tưởng chính trị về giới, an sinh xã hội và vai trò của chính sách công đã ảnh hưởng như thế nào đến việc lồng ghép tính đáp ứng giới vào quá trình xây dựng chính sách?

<p>4.1. Các luật và chính sách khác</p>	<p>Chủ đề này tập trung vào xem xét sự phù hợp với các luật và chính sách hiện hành (CTMTQG, CLQG về BDG, các nhiệm vụ của các Bộ, Ngành có mức độ ưu tiên khác nhau) định hình khả năng đáp ứng giới của các chính sách trợ giúp xã hội.</p>
<p>4.2. PolCom - Lồng ghép giới: Cam kết chính trị đối với việc lồng ghép giới</p>	<p>Chủ đề này tập trung vào xem xét các quan điểm thể hiện ở phạm vi rộng hơn, cam kết chính trị về lồng ghép giới bao gồm tài chính, có ảnh hưởng đến tính nhạy cảm về giới của quá trình xây dựng chính sách như thế nào.</p>
<p>4.3. PolCom - ASXH: Cam kết chính trị đối với an sinh xã hội</p>	<p>Chủ đề này tập trung vào xem xét h các quan điểm ở phạm vi rộng hơn, cam kết chính trị về trợ giúp xã hội bao gồm cả tài chính, có ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng giới của quá trình xây dựng chính sách như thế nào. Trọng tâm của chính sách không chỉ là an sinh xã hội đáp ứng giới mà còn là an sinh xã hội cho người nghèo và dễ bị tổn thương.</p>
<p>4.4. Các yếu tố bối cảnh khác</p>	<p>Bất kỳ yếu tố nào ngoài các mục nêu trên.</p>

UNICEF có mặt ở những nơi khó khăn nhất trên thế giới để tiếp cận những trẻ em và thanh thiếu niên gặp hoàn cảnh khó khăn nhất và bảo vệ quyền lợi của trẻ em trên khắp thế giới. Chúng tôi làm tất cả những gì có thể trên 190 quốc gia và vùng lãnh thổ để giúp trẻ em sống sót, phát triển và phát huy tiềm năng của các em từ thời thơ ấu cho đến giai đoạn thanh thiếu niên. Và chúng tôi không bao giờ bỏ cuộc.

Innocenti - Văn phòng Nghiên cứu và Tâm nhìn Toàn cầu của UNICEF giải quyết những vấn đề hiện tại và mới nổi quan trọng nhất đối với trẻ em. Văn phòng thúc đẩy sự thay đổi thông qua nghiên cứu và dự đoán về nhiều vấn đề liên quan đến quyền trẻ em, thúc đẩy các cuộc thảo luận toàn cầu và tích cực thu hút giới trẻ tham gia vào công việc của mình.

UNICEF Innocenti trang bị cho các nhà lãnh đạo tư tưởng và người ra quyết định những bằng chứng để xây dựng một thế giới tốt đẹp và an toàn hơn cho trẻ em. Văn phòng sử dụng dữ liệu sơ cấp và thứ cấp đại diện cho tiếng nói cho chính trẻ em và gia đình để thực hiện nghiên cứu về các vấn đề chưa được giải quyết và mới nổi. Văn phòng sử dụng những dự đoán để xây dựng chương trình nghị sự cho trẻ em, bao gồm kỹ thuật “quét đường chân trời”, phân tích xu hướng và xây dựng kịch bản. Văn phòng tạo ra một thư viện đa dạng và năng động gồm các báo cáo, phân tích và tài liệu chính sách cấp cao, đồng thời cung cấp một nền tảng để thảo luận và vận động nhiều vấn đề về quyền trẻ em.

UNICEF Innocenti giải đáp những mối quan tâm nhất của mọi trẻ em.

Xuất bản bởi

UNICEF Innocenti - Văn phòng Toàn cầu về Nghiên cứu và Dự báo

Via degli Alfani, 58
50121, Florence, Italia

SĐT: (+39) 055 20 330

Email: innocenti@unicef.org

Mạng xã hội: @UNICEFINnocenti on Facebook, Instagram, LinkedIn, X (Twitter) và YouTube

Hợp tác với

UNICEF Việt Nam

Trích dẫn đề xuất

Nicholas Mathers, Mathilde Van Drooghenbroeck, Eszter Timár và Trần Như Trang, “Nghiên cứu về lồng ghép giới trong chính sách an sinh xã hội. Tìm hiểu về các quy trình, chủ thể và thể chế định hình công tác lồng ghép giới vào các cải cách chính sách trợ giúp xã hội ở Việt Nam”, Phụ Lục, UNICEF Innocenti, Florence, tháng 04 năm 2024

© Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), tháng 04 năm 2024

Vì mọi trẻ em, câu trả lời

unicef 
vì mọi trẻ em